TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/KDTM-ST
Ngày: 28-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Vĩnh Hạnh

2. Ông Nguyễn Hoài Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Gia Hân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 và ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 16/2025/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 457/2026/QĐXXST-KDTM ngày 06/4/2026, giữa:

Nguyên đơn:

1. **Ngân hàng TMCP V**; địa chỉ trụ sở: Số H, phố L, phường L, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng A, Số E - E, đường T, phường C, thành phố Cần Thơ.

2. **Công ty Cổ phần M**; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, Số B, phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, ông Vưu Chí T1; Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng A, Số E - E, đường T, phường C, thành phố Cần Thơ. (đều có mặt)

Bị đơn: **Công ty TNHH X C**

Địa chỉ: Số H, Tổ C, Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Hoàng T2**, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Số H, khu vực Bình Dương, phường L, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Bùi Công K**, sinh ngày 16/10/1969. (Vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị K1**; địa chỉ: Số H, Tổ C, Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

3. Bà **Đặng Thị Út E**, sinh năm 1973; địa chỉ: Số H, Tổ C, Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

4. Bà **Bùi Thị Thùy T3**; địa chỉ: Ấp R, đặc khu P, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền bà Đặng Thị Út E, K1, T3: Ông Lý Minh T4; địa chỉ: Số H đường N, phường T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh C1 *(Sau đây gọi Ngân hàng)* có ký với Công ty TNHH X C (*sau đây gọi Công ty X*) Hợp đồng cấp tín dụng số CTO/22038 ngày 12/4/2022. Theo khế ước nhận nợ số 100423-6571259-ONL-9 ngày 11/4/2023, khế ước nhận nợ số 100423-6571259-ONL- 10, khế ước nhận nợ số 100423-6571259-ONL-11 thì tổng số tiền đã giải ngân 5.800.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 12/4/2022 bà Đặng Thị Út E ký hợp đồng số CTO/22039 thế chấp thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 48, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 532855, số vào sổ cấp GCN: CH04917 do Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ cấp ngày 26/01/2018 đứng tên Đặng Thị Út E; ngày 12/4/2022 ông Bùi Văn T5, bà Đặng Thị Út E ký hợp đồng số CTO/22040 thế chấp thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 48, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 532854, số vào sổ cấp GCN: CS04916 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 02/02/2018 đứng tên Đặng Thị Út E. Ngoài ra, ông Bùi Công K và ông Bùi Văn T5 còn ký cam kết dùng toàn bộ tài sản bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH X Cường với Ngân hàng TMCP V. Theo đó, cùng ngày 12/4/2022 ông Bùi Văn T5 ký hợp đồng số CTO/22038/BLCN1 và ông Bùi Công K ký hợp đồng số CTO/22038/BLCN2. Quá trình vay Công ty X C chỉ thanh toán được số tiền 318.316.018 đồng thì không trả nữa nên khoản vay bị quá hạn kể từ ngày 04/10/2023. Đến ngày 29/6/2024 Ngân hàng ký hợp đồng số 03/2024/VPB-JUPITER bán 90% khoản nợ của Công ty X Cường cho Cổ phần M *(sau đây gọi Công ty M)*. Do Công ty X C không thanh toán nợ nên Ngân hàng và Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH X C thanh toán cho các nguyên đơn số tiền tạm tính từ ngày 12/4/2022 đến ngày 01/8/2025 là 8.005.316.032 đồng. Trong đó:

Thanh toán cho Ngân hàng TMCP V là 800.531.603 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 579.999.649 đồng; nợ lãi: 220.531.954 đồng.

Thanh toán cho Công ty Cổ phần M là 7.204.784.429 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 5.219.996.845 đồng; nợ lãi: 1.984.787.584 đồng.

2. Bị đơn phải thanh toán cho các nguyên đơn lãi phát sinh kể từ ngày 02/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH X C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng

nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp tọa lạc tại Khu V, đường N, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ, gồm:

- Thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 48, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 532855, số vào sổ cấp GCN: CH04917 do Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ cấp ngày 26/01/2018 đứng tên Đặng Thị Út E.

- Thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 48, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 532854, số vào sổ cấp GCN: CS04916 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 02/02/2018 đứng tên Đặng Thị Út E.

3. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Bùi Công K có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M.

Bị đơn: Ông Võ Hoàng T2 - Người đại diện theo pháp luật của Công ty X C có ý kiến tại Biên bản ngày 02/3/2026, đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Công K: Vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ông Nguyễn Văn T6 là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị K1, Đặng Thị Út E, Bùi Thị Thùy T3: Tại biên bản hoà giải ngày 20/3/2026 ông T6 đề nghị xem xét lại khoản nợ gốc đã chính xác chưa vì ông T5 đã chết năm 2023 nên gia đình không xác định được quá trình trả nợ. Đồng thời, hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được miễn giảm phần lãi trong hạn, lãi quá hạn cũng như lãi phạt.

Tại phiên toà, chỉ có mặt của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các đương sự còn lại vắng mặt; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán nợ tạm tính đến ngày 25/5/2026 tổng cộng 8.958.889.372 đồng. Trong đó:

+ Nợ Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính: 895.888.937 đồng. Trong đó: Gốc 579.999.649 đồng; nợ lãi trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi trong hạn: 315.889.288 đồng.

+ Nợ Công ty M số tiền tạm tính 8.063.000.435 đồng; Trong đó: Gốc: 5.219.996.845 đồng, nợ lãi trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả lãi trong hạn: 2.843.003.590 đồng.

Giữ nguyên yêu cầu tuyên nghĩa vụ của người bảo lãnh của ông Bùi Công K đối với phần nghĩa vụ của Công ty X trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay là đúng theo quy định. Tòa án xét xử đúng quan hệ tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện chưa đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử, nguyên tắc xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 25/5/2026 và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Trường hợp Công ty X C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Trường hợp tài sản bảo đảm của Công ty X C không đủ thanh toán nợ thì buộc ông Bùi Công K tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh đã ký cho đến khi khoản nợ được tất toán.

Không chấp nhận yêu cầu đòi bị đơn trả tiền lãi phạt chậm trả lãi trong hạn.

Đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ hai lần đối với ông Bùi Công K về thời gian mở phiên tòa nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Ông Võ Hoàng T2, ông Lý Minh T4 có đơn xin vắng mặt. Do đó, Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với ông Bùi Văn T5 là người đại diện theo pháp luật của Công ty X Cường theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1801437971 đăng ký cấp đổi lần thứ 5 ngày 07/9/2023 và thành viên thứ hai là ông Võ Hoàng T2 *(số CCCD 091077000043)*. Đến thời điểm hiện tại, Công ty X chưa có thông tin thay đổi thành viên khác. Do vậy, khi ông T5 chết ngày 19/11/2023 thì ông Võ Hoàng T2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH X Cường theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020. Đồng thời, khi ông Bùi Văn T5 chết thì những người thừa kế của ông T5 gồm bà Nguyễn Thị K1, Đặng Thị Út E, Bùi Thị Thùy T3 được triệu tập vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với bà Bùi Thị Thùy T7 chưa đủ 18 tuổi nên không tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ theo hợp đồng tín dụng ngày 12/4/2022 thì ông Bùi Văn T5 đại diện Công ty X ký Hợp đồng vay số CTO/22038

ngày 12/4/2022 với Ngân hàng TMCP V số tiền gốc 5.800.000.000 đồng. Công ty đã nhận đủ số tiền trên theo các Khế ước nhận nợ số 100423-6571259-ONL-9, số tiền 2.681.250.000 đồng; khế nước nhận nợ số 100423-6571259-ONL- 10, số tiền 1.976.205.000 đồng và khế nước nhận nợ số 100423-6571259-ONL-11, số tiền 1.142.545.000 đồng. Hợp đồng có đóng dấu Công ty X C và ký tên đầy đủ nên phát sinh hiệu lực. Quá trình vay bị đơn chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 318.316.018 đồng thì không thanh toán nữa nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 29/6/2024 Ngân hàng ký hợp đồng số 03/2024/VPB-JUPITER bán 90% khoản nợ của Công ty X Cường cho Công ty M. Do đó, Công ty X C có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V và Công ty M theo quy định Điều 92, 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Tổng số tiền tạm tính đến 25/5/2026 là 8.958.889.372 đồng. Trong đó:

+ Nợ Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính: 895.888.937 đồng. Trong đó: Gốc 579.999.649 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.100.601 đồng, quá hạn: 308.175.783 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn: 1.594.514 đồng.

+ Nợ Công ty M số tiền tạm tính 8.063.000.435 đồng; Trong đó: Gốc: 5.219.996.845 đồng, nợ lãi trong hạn: 54.905.409 đồng, quá hạn: 2.773.582.093 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn: 14.534.472 đồng.

Việc đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả đối với việc chậm trả nợ lãi trong hạn là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 6,7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

Xét hợp đồng số thế chấp CTO/22039 ngày 12/4/2022 bà Đặng Thị Út E đồng ý dùng thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 48, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 532855, số vào sổ cấp GCN: CH04917 do Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ cấp ngày 26/01/2018 đứng tên Đặng Thị Út E và ngày 12/4/2022 ông Bùi Văn T5, bà Đặng Thị Út E ký hợp đồng số CTO/22040 thế chấp thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 48, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 532854, số vào sổ cấp GCN: CS04916 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 02/02/2018 đứng tên Đặng Thị Út E để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty X C. Ngân hàng tiến hành ghi nhận hình ảnh tài sản thế chấp, lập biên bản kiểm tra hiện trạng tài sản thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận hiện trạng tài sản Ngân hàng yêu cầu xử lý đảm bảo nghĩa vụ trả nợ so với tài sản ông T5, bà Út E thế chấp là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của bà Út E cho rằng, thửa đất 1011 và 1038 bà Út E, ông Bùi Công K đang cho thuê nhưng không cung cấp được tài liệu có cho thuê này. Đồng thời, quá trình Tòa án thẩm định tại chỗ Toà án cũng không ghi nhận được ý kiến của người đang thuê thửa đất 1011 và 1038. Do đó, trường hợp các bên có tranh chấp đối với hợp đồng thuê đối với thửa đất 1011 và 1038 thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Đối với yêu cầu buộc ông Bùi Công K thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng số CTO/22038/BLCN2 ngày 12/4/2023 thì thấy rằng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 1801437971, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/4/2023 thì ông Bùi Công K là thành viên của Công ty X C. Ông K biết rõ hợp đồng tín dụng của Công ty X Cường với Ngân hàng V và đồng ý ký hợp đồng bảo lãnh CTO/22038/BLCN2 ngày 12/4/2023 đối với các nghĩa vụ phát sinh của Công ty X C. Do vậy, hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực theo quy định tại Điều 335, 339, 342 Bộ luật dân sự. Do đó, trường hợp tài sản thế chấp của ông T5, bà Út E được xử lý nhưng không đủ để thanh toán hết khoản nợ của Công ty X C thì ông Bùi Công K có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ còn lại của Công ty X C. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nên chấp nhận.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 116.958.889 đồng.

[7] Chi phí thẩm định tại chỗ: Số tiền 1.300.000 đồng bị đơn phải chịu. Nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 157, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 92, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 335, 339, 342 Bộ luật dân sự Bộ luật Dân sự; khoản 6 Điều 12 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 6,7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH X C thanh toán khoản nợ của Hợp đồng vay số CTO/22038 ngày 12/4/2022 tạm tính đến ngày 25/5/2026 tổng cộng 8.958.889.372 đồng. Trong đó:

+ Nợ Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính: 895.888.937 đồng. Trong đó: Gốc 579.999.649 đồng; nợ lãi trong hạn: 6.100.601 đồng, quá hạn: 308.175.783 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn: 1.594.514 đồng.

+ Nợ Công ty Cổ phần M số tiền tạm tính 8.063.000.435 đồng; Trong đó: Gốc: 5.219.996.845 đồng, nợ lãi trong hạn: 54.905.409 đồng, quá hạn: 2.773.582.093 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn: 14.534.472 đồng.

[2] Trường hợp Công ty TNHH X C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại

hợp đồng số CTO/22040 ngày 12/4/2022 đối với vật kiến trúc và thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 48, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 532855, số vào sổ cấp GCN: CH04917 do Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ cấp ngày 26/01/2018 đứng tên Đặng Thị Út E và Hợp đồng thế chấp số CTO/22039 ngày 12/4/2022 đối với vật kiến trúc và thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 48, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 532854, số vào sổ cấp GCN: CS04916 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 02/02/2018 đứng tên Đặng Thị Út E. Cả hai tài sản tọa lạc tại Khu V, đường N, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

[3] Trường hợp sau khi xử lý hết tài sản thế chấp nếu không đủ để thanh toán nợ cho Công ty TNHH X C thì ông Bùi Công K có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo lãnh số CTO/22038/BLCN2 ngày 12/4/2023 với Ngân hàng TMCP V.

[4] Trường hợp có phát sinh tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản đối với thửa đất 1011 và 1038 thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại số tiền 57.759.000 đồng theo Biên lai số 0000235 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn phải nộp 116.958.889 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ.

[6] Chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 1.300.000 đồng bị đơn phải chịu và có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[7] Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[8] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND KV2 - CT;
- Phòng THADS KV2 - CT;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thúy Quyên